

Số: 08/2022/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2022 về việc tranh chấp ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị S, sinh ngày 04/4/1989; nơi cư trú: Thôn Kh, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; dân tộc: Dao; nghề nghiệp: Làm ruộng; số CCCD: 00***9004084, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát.

- Bị đơn: Anh Lương Văn M, sinh ngày 22/4/1991; nơi cư trú: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; số CMND: 050***073, cấp ngày 19/11/2008, nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào các khoản 3, 4 Điều 147, các khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/4/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thị S và anh Lương Văn M

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị S và anh Lương Văn M tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về nuôi con: Chị Đặng Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Bá V, sinh ngày 27/11/2012. Anh Lương Văn M cấp dưỡng nuôi cháu Lương Bá V cho chị S số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2022. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không có.

d. Về án phí: Chị Đặng Thị S chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004025 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chị Đặng Thị S được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã N
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương

